

QUYẾT ĐỊNH

Duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng Sửa chữa, cải tạo, nâng cấp Bệnh viện Phổi tỉnh Đồng Nai

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 18/6/2014;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10/9/2015 của Chính phủ về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm;

Căn cứ Nghị định số 136/2015/NĐ-CP ngày 31/12/2015 của Chính phủ hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 120/2018/NĐ-CP ngày 13/9/2018 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10/9/2015 của Chính phủ về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm, số 136/2015/NĐ-CP ngày 31/12/2015 của Chính phủ về hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư công và số 161/2016/NĐ-CP ngày 02/12/2016 của Chính phủ về cơ chế đặc thù trong quản lý đầu tư xây dựng đối với một số dự án thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Nghị định 68/2019/NĐ-CP ngày 14/8/2019 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng quy định chi tiết và hướng dẫn một số nội dung về thẩm định, phê duyệt dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình;

Xét đề nghị của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh tại Tờ trình số 177/TTr-BQLĐAĐT XD ngày 21/10/2019 về việc thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng Sửa chữa, cải tạo, nâng cấp Bệnh viện Phổi tỉnh Đồng Nai; Kết quả thẩm định của Sở Xây dựng tại Văn bản số 4845/SXD-QLXD ngày 30/10/2019; Ý kiến của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 873/TTr-SKHĐT ngày 31/10/2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng Sửa chữa, cải tạo, nâng cấp Bệnh viện Phổi tỉnh Đồng Nai, như sau:

1. Tên Báo cáo nghiên cứu khả thi: Sửa chữa, cải tạo, nâng cấp Bệnh viện Phổi tỉnh Đồng Nai.

2. Địa điểm: Phường Phước Tân, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.
3. Chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh.
4. Tổ chức tư vấn lập Báo cáo nghiên cứu khả thi: Công ty TNHH Xây dựng Hùng Thiên Long.
5. Chủ nhiệm lập Báo cáo nghiên cứu khả thi: KTS. Hoàng Ngọc Hưng.
6. Mục tiêu đầu tư xây dựng: Nhằm tạo cơ sở vật chất phục vụ nhu cầu về chăm sóc sức khỏe, khám và điều trị bệnh phổi cho nhân dân trên địa bàn tỉnh.
7. Quy chuẩn kỹ thuật, Tiêu chuẩn áp dụng được lựa chọn:
 - QCVN 10: 2014/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về xây dựng công trình để đảm bảo người khuyết tật tiếp cận sử dụng.
 - QCVN 01: 2008/BXD Quy chuẩn xây dựng VN - Quy hoạch xây dựng.
 - QCVN 12: 2014/BXD Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về hệ thống điện của nhà ở và nhà công cộng.
 - QCVN 09: 2013/BXD Quy chuẩn xây dựng Việt Nam - Các công trình xây dựng sử dụng năng lượng có hiệu quả.
 - QCVN 06: 2010/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn cháy cho nhà và công trình.
 - TCVN 4319-2012: Nhà và công trình công cộng - Nguyên tắc cơ bản để thiết kế.
 - TCVN 4470-2012 : Bệnh viện đa khoa - Tiêu chuẩn thiết kế.
 - TCVN 2737-1995: Tải trọng và tác động - Tiêu chuẩn thiết kế.
 - TCVN 5574-2012: Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép - Tiêu chuẩn thiết kế.
 - TCVN 5575-2012: Kết cấu thép - Tiêu chuẩn thiết kế.
 - TCVN 9362:2012: Tiêu chuẩn thiết kế nền nhà và công trình.
 - TCVN 9379:2012: Kết cấu xây dựng và nền - Nguyên tắc cơ bản về tính toán.Một số quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng hiện hành khác có liên quan thiết kế công trình.
8. Quy mô đầu tư: Dự án nhóm C. Gồm:
 - Xây dựng mới Khu điều trị lao kháng thuốc 15 giường;
 - Xây dựng mới Khu nhà ăn phục vụ cho nhân viên;
 - Hệ thống cấp nước thủy cục;
 - Hệ thống báo cháy tự động. Lưu ý: Đầu tư hệ thống báo cháy tự động tại một số khu vực dễ cháy nổ để tiết kiệm kinh phí đầu tư;
 - Xử lý chống thấm, cải tạo khu vệ sinh và thay thế thiết bị hư hỏng;
 - Vệ sinh, chà nhám, dặm vá, bả matít tại vị trí bong tróc gồm: trần, tường trong và ngoài nhà; sơn nước toàn bộ công trình;
 - Sơn lại song sắt cửa và lan can cầu thang; Thay ổ khóa và một số cánh cửa sổ cửa đi bị hư hỏng toàn bộ các khối nhà hiện hữu;
 - Sửa chữa đường ống thoát nước mái, hệ thống cấp nước toàn khu;
 - Cải tạo sửa chữa khu cách ly bệnh dịch nguy hiểm đảm bảo đầy đủ chuyên công năng theo tiêu chuẩn của Bộ Y tế;
 - Cải tạo sửa chữa công tường rào;

- Phá dỡ gạch ốp tường và ốp mới lại gạch Ceramic;
- Thay mới mái tôn sóng vuông mạ màu; Lợp mới mái tôn phần diện tích mái bê tông cốt thép hiện hữu;
- Sửa chữa, cải tạo hệ thống điện; Thay mới hệ thống điện chiếu sáng;
- Xử lý chống thấm bề nước mái tại khối nhà A4, A5;
- Trang thiết bị cho khu kháng thuốc và nhà ăn.

9. Loại và cấp công trình: Công trình dân dụng; Cấp III.

10. Số bước thiết kế: 02 bước (thiết kế cơ sở và thiết kế bản vẽ thi công).

11. Nội dung đầu tư:

a) Xây dựng mới Khu điều trị lao kháng thuốc 15 giường: Quy mô 02 tầng, diện tích chiếm đất xây dựng khoảng 384m², tổng diện tích sàn xây dựng khoảng 735m², chiều cao xây dựng 10,25m tính từ cao trình nền sân đường hoàn thiện.

- Tầng 1 bố trí các không gian chức năng: Sảnh chính, hành chính, tiếp nhận bệnh nhân, tái khám, kho dụng cụ, 02 phòng thay đồ Nam - Nữ, hành lang - cầu thang, khu vệ sinh chung;

- Tầng 2 bố trí các không gian chức năng: phòng trực, 08 phòng nội trú, hành lang - cầu thang - ban con;

Giải pháp thiết kế chính:

- Kết cấu móng đơn; Hệ khung, cột, dầm, sàn, sàn mái, sân, sân cầu thang, bằng bê tông cốt thép đổ tại chỗ; Mái lợp tôn sóng vuông mạ màu chống nóng, xà gỗ sắt hộp gác trên tường xây thu hồi;

- Toàn bộ tường xây gạch không nung; Sơn nước trong và ngoài nhà hoàn thiện kết hợp ốp gạch gốm, lam nhôm, khung nhôm kính,... trang trí mặt đứng kiến trúc công trình; Bậc cấp cầu thang, bậc tam cấp xây gạch không nung, mặt bậc tam cấp, bậc cầu thang lát đá granite; lan can hành lang, cầu thang, bancony xây gạch không nung kết hợp tay vịn ống inox Ø60 cao 1,1m; Ramp dốc lát gạch xi măng ép tạo màu trên nền bê tông đá 1x2 xi măng mác 200, dày 10cm; Lan can tay vịn tổ hợp ống inox cao 0,9m;

- Nền, sàn lát gạch Granite; Khu vệ sinh lát gạch Granite loại chống trượt; Tường mặt trong phòng tiếp nhận bệnh nhân, tái khám, phòng nội trú, hành lang, phòng vệ sinh ốp gạch Ceramic cao 1,8m phía trên sơn nước; Tường khu vực cầu thang, kho dụng cụ sơn epoxy theo quy định ngành; Trần phòng vệ sinh đóng tấm thạch cao kết hợp khung trần chuyên dụng;

- Hệ thống cửa đi, cửa sổ bằng nhôm kính; Cửa đi, cửa sổ khu vệ sinh bằng nhôm kính mờ;

- Hệ thống cấp điện, cấp thoát nước, phòng cháy chữa cháy, hệ thống cấp Oxygen, thông tin liên lạc, thiết bị hút không khí có màng lọc,... được đầu tư xây dựng đồng bộ hoàn chỉnh.

b) Xây dựng mới Nhà ăn phục vụ cho nhân viên: Quy mô 01 tầng, diện tích xây dựng khoảng 350m², chiều cao xây dựng 6,8m tính từ cao trình nền sân đường hoàn thiện; bố trí khu vực nhà ăn, khu bếp - vệ sinh, kho thực phẩm;

Giải pháp thiết kế chính:

- Kết cấu móng đơn bê tông cốt thép; Hệ khung, cột, dầm, sân bằng bê

tông cốt thép đổ tại chỗ; Mái lợp tôn mạ màu, xà gồ bằng sắt hộp, vì kèo thép gác trên đầu cột bê tông cốt thép; Trần đóng tấm thạch cao kết hợp khung trần chuyên dụng;

- Toàn bộ tường xây gạch không nung; Sơn nước trong và ngoài nhà hoàn thiện; tường trong khu vực nhà ăn, bếp, phòng vệ sinh ốp gạch Ceramic cao 1,6m;

- Nền lát gạch Granite; Khu vệ sinh lát gạch Granite loại chống trượt; Hệ thống cửa đi, cửa sổ bằng nhôm kính;

- Hệ thống cấp điện, cấp thoát nước, phòng cháy chữa cháy đầu tư xây dựng đồng bộ hoàn chỉnh.

c) Cải tạo các khối nhà A1, A2, A3, A4, A5:

- Vệ sinh, chà nhám, dặm vá, bả matic tại các vị trí bong tróc, gồm: Trần, tường trong và ngoài nhà; Sơn nước 01 lớp lót, 02 lớp phủ toàn bộ công trình;

- Chải sạch lớp sơn cũ và sơn dầu lại toàn bộ cửa đi, cửa sổ, lan can cầu thang; Thay ổ khóa, kính vỡ và thay mới, sửa chữa một số cánh cửa đi, cửa sổ bị hư hỏng;

- Phá dỡ gạch ốp tường và ốp lại mới gạch bằng Ceramic;

- Thay toàn bộ tôn lợp mái bằng tôn sóng vuông mạ màu dày 0,45mm; kết cấu mái hiện hữu giữ nguyên;

- Phá dỡ và thay mới trần thạch cao kết hợp khung trần chuyên dụng tại vị trí trần hư hỏng;

- Vệ sinh, đục bỏ lớp vữa xi măng, làm sạch bề mặt sê nô, láng lại vữa xi măng mác 75 tạo dốc $i=2\%$ về phễu thu nước tại ống xối, chỗ mỏng nhất dày 15mm; quét 03 lớp Flikote chống thấm chuyên dụng;

- Thay mới hệ thống ống xối thoát nước mái bằng ống PVC Ø90 + phụ kiện; lắp đặt mới cầu chắn rác bằng inox Ø120; Phá dỡ và xây mới lại hộp gaint bị hư hỏng kết hợp sơn nước hoàn thiện;

- Khu vệ sinh: Phá vỡ toàn bộ gạch lát nền, sàn, vữa xi măng lát gạch, gạch ốp tường; làm sạch bề mặt, quét 03 lớp Flikote chống thấm chuyên dụng cho sàn; láng vữa xi măng mác 75 tạo dốc $i=2\%$ về phễu thu nước, chỗ mỏng nhất dày 20mm; Lát gạch Granite loại chống trượt; tường ốp gạch Ceramic cao tới trần;

- Phá dỡ và thay mới trần thạch cao kết hợp khung trần chuyên dụng tại các khu vệ sinh; Thay mới các thiết bị vệ sinh bị hư hỏng và hệ thống đường ống cấp thoát nước;

- Sửa chữa, cải tạo hệ thống điện; Thay mới hệ thống điện chiếu sáng;

- Xử lý chống thấm bề nước mái tại khối nhà A4, A5 bằng giải pháp phá dỡ lớp xi măng trát hiện hữu, làm sạch bề mặt, trát lại xi măng mác 75, quét Flinkote chống thấm chuyên dụng; đáy bể tạo dốc thoát nước về phễu thu nước $i=2\%$;

- Cải tạo sửa chữa khu cách ly bệnh dịch nguy hiểm đảm bảo đầy chuyên công năng theo tiêu chuẩn của Bộ Y tế tại khối nhà A5.

d) Hành lang nổi:

- Vệ sinh, chà nhám, dặm vá, bả matic toàn bộ trần bê tông cốt thép, phần tường trong và ngoài công trình; Sơn nước 01 lớp lót, 02 lớp phủ toàn bộ hành lang nổi;

- Vệ sinh, đục bỏ lớp vữa xi măng, làm sạch bề mặt sân, láng vữa xi măng mác 75 tạo dốc $i=2\%$ về phễu thu nước tại ống xối, chỗ mỏng nhất dày 15mm; quét 03 lớp Fliakote chống thấm chuyên dụng;

- Thay mới hệ thống ống xối thoát nước mái bằng ống PVC Ø90 + phụ kiện; lắp đặt mới cầu chắn rác bằng inox Ø120; Phá dỡ và xây mới lại hộp gaint bị hư hỏng kết hợp sơn nước hoàn thiện;

- Phá dỡ và thay mới gạch lát nền, sàn bị hư hỏng bằng gạch cùng loại;

- Sửa chữa, cải tạo hệ thống điện; thay mới các thiết bị điện bị hư hỏng;

e) Cải tạo sửa chữa Cổng, tường rào:

- Tháo dỡ và thay mới song sắt các đoạn rào thoáng (song sắt sơn tĩnh điện);

- Vệ sinh, chà nhám, dặm vữa, bả matic toàn bộ tường, cột rào; Sơn nước 01 lớp lót, 02 lớp phủ toàn bộ tường rào;

- Tháo dỡ cổng cũ, thay mới cổng có trang bị motor; Lắp đặt mới bảng hiệu Bệnh viện bằng chữ hộp inox;

g) Hệ thống cấp nước ngoài nhà:

- Xây dựng lắp đặt mới đường ống cấp nước ngoài nhà kết nối từ đường ống cấp nước chung của khu vực vào bể nước ngầm (Khu xử lý nước sạch) và làm mới đường ống cấp nước từ khu xử lý nước đến Khu điều trị lao kháng thuốc và khu nhà ăn phục vụ nhân viên xây mới; Sử dụng ống HDPE làm đường ống cấp nước sinh hoạt ngoài nhà cấp nước đến các công trình;

h) Hệ thống báo cháy:

- Lắp đặt hệ thống báo cháy tự động tại các khu: Khu hành chính, khám chẩn đoán bệnh, khoa cấp cứu, Trung tâm Oxygen.

12. Phương án giải phóng mặt bằng, tái định cư: không có.

13. Tổng mức vốn đầu tư: : 30.537.122.309 đồng

Trong đó:

+ Chi phí xây dựng	:	23.258.142.871 đồng
+ Chi phí thiết bị	:	1.709.600.000 đồng
+ Chi phí quản lý dự án	:	625.827.824 đồng
+ Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	:	1.815.043.701 đồng
+ Chi phí khác	:	350.031.954 đồng
+ Chi phí dự phòng	:	2.778.475.959 đồng

(Có 02 Phụ lục chi tiết kèm theo)

14. Nguồn vốn đầu tư: Ngân sách tỉnh.

15. Hình thức quản lý dự án: Chủ đầu tư trực tiếp quản lý dự án.

16. Thời gian thực hiện dự án: Năm 2020-2022.

17. Các vấn đề cần lưu ý khi triển khai thiết kế bản vẽ thi công:

- Thực hiện thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy chữa cháy trong bản vẽ thiết kế thi công; Chỉ thiết kế hệ thống báo cháy tự động tại một số khu vực dễ cháy nổ để tiết kiệm kinh phí đầu tư.

- Thực hiện thủ tục về môi trường theo quy định trước khi trình duyệt hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công;

- Đối với các gói thầu đã thực hiện, chủ đầu tư phải rà soát, cập nhật lại giá

trị phù hợp theo các quy định hiện hành. Đối với các công việc cần thực hiện trước khi được người quyết định đầu tư phê duyệt dự toán, tổng dự toán xây dựng công trình, chủ đầu tư phải tổ chức lập, trình thẩm định, phê duyệt dự toán theo phân cấp để xác định chi phí làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu.

- Trong quá trình thực hiện, đề nghị chủ đầu tư phải chấp hành các quy định của cơ quan quản lý nhà nước về chất lượng công trình, bảo vệ môi trường, an toàn phòng chống cháy nổ theo quy định.

- Sử dụng phân dự phòng đúng mục đích, tránh trường hợp đề nghị phát sinh công việc hoặc tăng thêm hạng mục công trình để sử dụng dự phòng phí.

- Chủ đầu tư chỉ được triển khai các bước tiếp theo sau khi tổ chức điều chỉnh tổng dự toán xây dựng công trình theo văn bản hoặc thông tư của Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng theo Nghị định số 68/2019/NĐ-CP ngày 14/8/2018 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng theo ý kiến chỉ đạo của UBND tỉnh tại Văn bản số 11809/UBND-KTNS ngày 15/10/2019.

- Quản lý đầu tư và xây dựng dự án theo quy định.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Xây dựng, Tài chính, Y tế, Tài nguyên và Môi trường; Giám đốc Công an tỉnh; Chủ tịch UBND thành phố Biên Hòa, Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch và các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Chánh, Phó Chánh văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTN (Sơn).

10-31

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



***Trần Văn Vĩnh**



PHỤ LỤC I

(Kèm theo Quyết định số 3453 /QĐ-UBND ngày 31 tháng 10 năm 2019 của UBND tỉnh Đồng Nai)

STT	HẠNG MỤC CHI PHÍ	THÀNH TIỀN (đồng)
	TỔNG MỨC ĐẦU TƯ	30.537.122.309
I	CHI PHÍ XÂY DỰNG	23.258.142.871
1	Công trình Xây dựng mới Khu điều trị lao kháng thuốc 15 giường	3.892.028.816
2	Công trình Xây dựng mới Nhà ăn phục vụ cho nhân viên	1.853.347.055
3	Công trình cải tạo các khối nhà hiện hữu	16.204.512.000
3.1	Khối nhà A1	1.782.840.000
3.2	Khối nhà A2	2.276.880.000
3.3	Khối nhà A3	2.304.804.000
3.4	Khối nhà A4	5.786.712.000
3.5	Khối nhà A5	3.798.738.000
3.6	Hành lang nối	254.538.000
4	Công trình cải tạo hệ thống hạ tầng kỹ thuật	1.308.255.000
4.1	Cải tạo sửa chữa cổng tường rào	399.027.000
4.2	Hệ thống PCCC	682.461.000
4.3	Cải tạo hệ thống cấp thoát nước ngoài nhà (bao gồm cả cấp nước thủy cục)	226.767.000
II	CHI PHÍ THIẾT BỊ (Phụ lục II)	1.709.600.000
III	CHI PHÍ QUẢN LÝ DỰ ÁN	625.827.824
IV	CHI PHÍ TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG	1.815.043.701
1	Chi phí lập báo cáo nghiên cứu khả thi	215.000.000
2	Chi phí khảo sát địa chất	55.700.000
3	Chi phí giám sát công tác khảo sát	2.268.104
4	Chi phí thiết kế BVTC - dự toán xây dựng công trình	675.063.518
4.1	Công trình Xây dựng mới Khu điều trị lao kháng thuốc 15 giường	114.896.583
4.2	Công trình Xây dựng mới Nhà ăn phục vụ cho nhân viên	54.712.658
4.3	Công trình cải tạo các khối nhà hiện hữu	478.373.399
4.4	Công trình cải tạo hệ thống hạ tầng kỹ thuật	27.080.878

STT	HẠNG MỤC CHI PHÍ	THÀNH TIỀN (đồng)
5	Chi phí thẩm tra thiết kế bản vẽ thi công	51.423.754
6	Chi phí thẩm tra dự toán xây dựng công trình	50.470.170
7	Chi phí giám sát lắp đặt thiết bị	422.000
8	Chi phí giám sát thi công xây dựng công trình	659.856.771
9	Chi phí lập HSMT, đánh giá HSDT thi công xây dựng	79.124.202
10	Chi phí lập HSMT, đánh giá HSDT thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng công trình	5.508.518
11	Chi phí lập HSMT, đánh giá HSDT giám sát thi công xây dựng	5.384.432
12	Chi phí lập HSMT, đánh giá HSDT thiết bị	6.274.232
13	Chi phí thẩm định giá thiết bị	8.548.000
V	CHI PHÍ KHÁC	350.031.954
1	Phí thẩm định dự án	5.069.162
2	Chi phí lập kế hoạch bảo vệ môi trường	25.000.000
3	Chi phí rà phá bom mìn, vật nổ	30.000.000
4	Chi phí thẩm định HSMT, kết quả LCNT thiết kế BVTC, dự toán xây dựng công trình	2.000.000
5	Chi phí thẩm định HSMT, kết quả LCNT thi công xây dựng	21.143.766
6	Chi phí thẩm định HSMT, kết quả LCNT giám sát thi công xây dựng	2.000.000
7	Chi phí thẩm định HSMT, kết quả LCNT thiết bị	2.000.000
8	Chi phí bảo hiểm công trình	23.258.143
9	Chi phí thẩm tra phê duyệt quyết toán	171.068.959
10	Phí thẩm định phê duyệt thiết kế phòng cháy và chữa cháy	2.506.247
11	Chi phí kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng	65.985.677
VI	CHI PHÍ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ	0
VII	CHI PHÍ DỰ PHÒNG	2.778.475.959
1	Dự phòng do yếu tố khối lượng phát sinh	1.665.518.781
2	Dự phòng do yếu tố trượt giá	1.112.957.178

PHỤ LỤC II

(Kèm theo Quyết định số 3453/QĐ-UBND ngày 21 tháng 10 năm 2019
của UBND tỉnh Đồng Nai)

STT	Danh mục thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Chi phí sau thuế (đồng)
	TỔNG CHI PHÍ THIẾT BỊ			1.709.600.000
I	KHU KHÁNG THUỐC			
1	Quạt đứng	Cây	15	7.500.000
2	Tủ lạnh 52 lít Mini	Cái	7	18.200.000
3	Tivi Samsung 32inch	Cái	7	49.000.000
4	Bàn Ixox	Cái	7	6.300.000
5	Ghế Inox	Cái	14	2.100.000
6	Máy vi tính	Bộ	1	13.000.000
7	Máy in	Cái	1	5.000.000
8	Bàn làm việc	Cái	1	800.000
9	Ghế	Cái	3	600.000
10	Máy điều hòa 1,5 hp	Cái	1	15.000.000
11	Máy siêu âm 3D	Cái	1	500.000.000
12	Máy giúp thở	Cái	1	80.000.000
13	Máy Monitor	Cái	1	70.000.000
14	Máy bơm tiêm điện	Cái	1	40.000.000
15	Máy truyền dịch tự động	Cái	1	40.000.000
16	Máy đo điện tim 6 cần	Cái	1	60.000.000
17	Máy hút đàm nhớt	Cái	2	8.000.000
18	Máy phun khí dung	Cái	2	3.000.000
19	Máy đo SPO2	Cái	1	34.000.000
20	Máy đo đường huyết	Cái	2	5.000.000
21	Giường cấp cứu tay quay	Giường	15	90.000.000
22	Giường hồi sức có tích hợp cân điện tử	Giường	1	350.000.000
23	Tủ đầu giường	Cái	15	75.000.000
II	NHÀ ĂN			
1	Tủ đông 485 lít 2 ngăn 2 cửa	Cái	1	12.000.000
2	Tủ lạnh 550 lít	Cái	1	19.000.000
3	Tủ lạnh 230 lít	Cái	1	8.000.000
4	Tủ mát 340 lít 2 cửa	Cái	1	10.000.000
5	Bếp gas công nghiệp 3 hố	Cái	1	11.000.000
6	Nồi cơm điện 10 lít	Cái	2	6.800.000
7	Máy hút mùi (303 tối thiểu)	Cái	1	24.000.000
8	Nồi, xúng các loại	Bộ	1	5.000.000
9	Chảo các loại	Bộ	1	2.000.000
10	Tủ giữ nóng thức ăn 12 - 16 khay	Cái	1	5.000.000
11	Tủ nhôm kính lớn	Cái	2	10.000.000

STT	Danh mục thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Chi phí sau thuế (đồng)
12	Bàn Inox tròn	Cái	10	15.000.000
13	Ghế Inox	Cái	100	15.000.000
14	Xe đẩy thức ăn inox nhiều tầng	Cái	1	10.000.000
15	Thùng phân loại rác 2 ngăn	Cái	1	1.300.000
16	Máy vi tính	Bộ	1	13.000.000
17	Máy in	Cái	1	5.000.000
18	Tivi 49 inch	Cái	1	15.000.000
III	THIẾT BỊ HỆ THỐNG PCCC + CẤP NƯỚC	HT	1	50.000.000